

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 67/2018/HS-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2018/HS- ST ngày 29 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 63/2018/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Thị L, sinh ngày: 14/08/1998; nơi sinh: Phường TS, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, xã HL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp khi phạm tội: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Nguyễn Văn S và có 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/03/2018 đến nay, có mặt.

Người bị hại: Chị Ngô Thị Ánh H, sinh năm 1994; trú tại: Thôn HT, xã ĐL, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (Công nhân công ty BH Flex, thuộc khu công nghiệp KQ, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 20/01/2018, Phạm Thị L đến Công ty BH FLEX thuộc khu công nghiệp KQ, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc làm việc ca đêm. Quá trình làm việc, L ngồi cạnh và sử dụng chung bàn làm việc với chị Ngô Thị Ánh H. Khoảng 22 giờ cùng ngày, trong khi đang làm việc, chị H nói với L là chị để quên tiền trong túi xách cất ở tủ đồ cá nhân của chị ở Công ty nên sợ bị kẻ gian trộm cắp, L bảo chị H “cứ yên tâm”, rồi cả 2 tiếp tục làm việc.

Khoảng 03 giờ ngày 21/01/2018, công nhân công ty được nghỉ giải lao và ăn đêm. Thấy chị H bị đau chân, L bảo chị H đưa thẻ công nhân của chị H cho L để L đi lấy đồ ăn giúp, chị H đồng ý đưa thẻ cho L. Khi cầm thẻ công nhân của chị H, L nhìn thấy trên thẻ có móc 02 chiếc chìa khoá, L biết đó là chìa khoá tủ đồ cá nhân của chị H, L nhớ lại việc chị H nói để quên tiền trong tủ đồ cá nhân nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền này. L tháo 01 chiếc chìa khoá trên thẻ cất vào túi quần đang mặc, đợi cơ hội mở khoá tủ đồ của chị H để trộm cắp tài sản. L đi lấy đồ ăn mang về chỗ làm việc cho chị H, đồng thời đặt chiếc thẻ công nhân của chị H lên bàn làm việc chung của hai người, nhưng chị H không để ý nên không biết việc bị mất 01 chiếc chìa khoá tủ đồ cá nhân. Khoảng 04 giờ cùng ngày, L xin ra ngoài đi vệ sinh (mục đích là để đi trộm cắp tài sản của chị H), L đi một mình xuống khu vực tủ đồ của công nhân, đến vị trí tủ đồ số 1068 là tủ đồ của chị H (L biết là tủ đồ của chị H vì gần tủ đồ của L) để trộm cắp tài sản. Quan sát xung quanh không có người, L lấy chiếc chìa khoá vừa tháo được từ thẻ công nhân của chị H ra mở tủ đồ số 1068, thấy bên trong tủ có 01 áo khoác, 01 đôi giày và 01 túi xách màu đen, L dùng tay phải mở túi xách trên thì thấy bên trong có nhiều tiền và lấy toàn bộ số tiền có trong túi xách cất vào túi quần đang mặc rồi sắp xếp lại đồ đạc vào tủ như cũ. Do sợ bị phát hiện và với mục đích đánh lạc hướng làm cho chị H nghĩ bị người khác phá khoá để trộm cắp tài sản nên L tháo ổ khoá tủ đồ của chị H cất giấu vào tủ đồ số 1078 của L. Sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản, L quay lại vị trí của mình làm việc như bình thường, đồng thời lợi dụng lúc chị H không để ý L đã lấy chiếc thẻ công nhân của chị H rồi móc trả lại chiếc chìa khoá tủ đồ cá nhân của chị H mà L đã tháo trước đó. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 21/01/2018 thì hết giờ làm ca, L đi về nhà ở thôn T, xã HL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, tại đây L kiểm tra số tiền trộm cắp được của chị H là 11.300.000đ, L lấy ra tiêu sài cá nhân hết 300.000đ, số tiền còn lại L cất trong tủ quần áo riêng.

Cùng ngày 21/01/2018, chị Ngô Thị Ánh H có đơn trình báo lên Công an phường KQ về việc ngày 21/01/2018 chị để số tiền 11.300.000đ trong tủ đồ cá nhân số 1068 của mình ở Công ty BHFLEX, thuộc Khu công nghiệp KQ, phường KQ, thành phố V thì bị kẻ gian trộm cắp. Chị H khai việc chị để số tiền trên trong tủ đồ cá nhân ở công ty chỉ có Phạm Thị L biết. Cơ quan điều tra đã triệu tập Phạm Thị L đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Ngày 23/01/2018, Phạm Thị L giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố V số tiền 11.000.000đ.

Ngày 10/02/2018, Phạm Thị L giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố V 01 ổ khoá màu vàng.

Ngày 19/03/2018, Phạm Thị L giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố V số tiền 300.000đ.

Cáo trạng số: 66/CT-VKSTPVY ngày 29/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Phạm Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Người bị hại là chị Ngô Thị Ánh H quá trình điều tra và tại phiên tòa khai nhận: Ngày 21/01/2018, chị để số tiền 11.300.000đ trong tủ đồ cá nhân số 1068 của mình ở Công ty BHFLEX, thuộc Khu công nghiệp KQ, phường KQ, thành phố V thì bị bị cáo Phạm Thị L lấy trộm, nay chị đã nhận lại tài sản; đối với ổ khóa tủ đồ cá nhân L nộp tại cơ quan điều tra: do giá trị chiếc ổ khóa nhỏ, chị thay ổ khóa mới nên chị không nhận lại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác. Về hình phạt, chị đề nghị xử phạt bị cáo L hình phạt nhẹ nhất và cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa đã cũ, không còn giá trị sử dụng; xác nhận Cơ quan điều tra trả cho người bị hại số tiền 11.300.000đ là hợp pháp.

Bị cáo Phạm Thị L không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị L tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 20/01/2018, Phạm Thị L đến Công ty BH FLEX, thuộc phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để làm việc và để tài sản (tiền) trong tủ đựng đồ cá nhân tại công ty nói cho Phạm Thị L biết. Lợi dụng việc chị H đưa cầm thẻ công nhân (có móc chìa khoá tủ đồ cá nhân của chị H) cho L nhờ lấy đồ ăn, L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đã tháo 01 chiếc chìa khoá trên thẻ cất vào túi quần đang mặc đợi cơ hội trộm cắp tài sản của chị H. Khoảng 04 giờ ngày 21/01/2018, L đến vị trí tủ đồ số 1068 (của chị H), mở tủ đồ trộm cắp số tiền 11.300.000đ của chị H.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo Phạm Thị L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng . . . thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang và lo lắng trong công nhân viên lao động trong công ty.

Xét tính chất, mức độ của tội phạm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, là công nhân lao động có nhận thức xã hội và pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân vì lòng tham, tư lợi của bản thân mà thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của người khác, do vậy cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đó là: Bị cáo nhất thời phạm đang nuôi con nhỏ, hiện tại đang mang thai; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản trộm cắp đã được bị cáo trả lại và bồi thường thiệt hại đầy đủ cho người bị hại; người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cho bị cáo cải tạo tại địa phương. Do đó, bị cáo L được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng.

Trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo L có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó có thể áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đó đều hợp pháp.

[3] vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 11.300.000đ Phạm Thị L trộm cắp và giao nộp, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Ngô Thị Ánh H, do vậy ngày 30/03/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã trả lại cho chị H số tiền 11.300.000đ. Chị H nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Đối với 01 ổ khoá màu vàng mà Phạm Thị L giao nộp. Quá trình điều tra xác định là ổ khoá tủ đồ cá nhân số 1068 của chị Ngô Thị Ánh H mà L đã tháo ổ khoá này sau khi trộm cắp được tài sản, tuy nhiên sau khi bị mất tài sản chị H đã thay ổ khoá mới, ổ khoá cũ này không còn giá trị sử dụng, do vậy chị H không có đề nghị lấy lại, cũng không yêu cầu L phải bồi thường thay ổ khoá mới, do vậy cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Phạm Thị L: 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã HL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu huỷ 01 ổ khoá màu vàng, kích thước 3,5 x 3,5cm, đã cũ.

(Có đặc điểm như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V).

Án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã HL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh

